

Bản án số: **259/2017/HSPT**
Ngày: 28/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tấn Hoàng**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 243/2017/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Lê Thành P và Đoàn Hùng T về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thành P, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1965; tại: Hải Phòng. Nơi cư trú: phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; số Chứng minh nhân dân: 220627XXX, ngày cấp: 19/12/2008; nghề nghiệp: Công chức Nhà nước; chức vụ: Nguyên Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh; con ông Lê Đ (chết) và bà Tạ Thị Xuân M, sinh năm 1928; có vợ Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1967 và 02 con, lớn sinh năm 1994 nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Đoàn Hùng T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1970; tại: Thái Bình. Nơi cư trú: phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên; số Chứng minh nhân dân:

220944XXX, ngày cấp: 15/9/2012; nghề nghiệp: Công chức Nhà nước; chức vụ: Nguyên Trưởng phòng Quản lý Công nghệ thông tin, thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ; dân tộc: Kinh; con ông Đoàn D (chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1941; có vợ Trương Thị Lê T, sinh năm 1972 và 02 con, sinh năm 2000 nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 25/9/2015 đến ngày 20/02/2016 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Các bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

1. Lê Tiến D, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1976; tại: Huyện T, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: phường Z, thành phố T, tỉnh Phú Yên; số Chứng minh nhân dân: 220959XXX, ngày cấp: 14/7/1993; nghề nghiệp: Công chức Nhà nước; chức vụ: Nguyên Giám đốc Trung tâm tích hợp dữ liệu, thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn T, sinh năm 1946 và bà Lê Thị T, sinh năm 1947; có vợ Lê Như H, sinh năm 1977 và 02 con, lớn sinh năm 2001 nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thị H, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1973; tại: Phú Yên. Nơi cư trú: phường Z, thành phố T, tỉnh Phú Yên; số Chứng minh nhân dân: 220935XXX, ngày cấp: 02/02/2013; nghề nghiệp và chức vụ: Nguyên Kế toán Trung tâm tích hợp dữ liệu, thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa: 12/12; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn T (chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1928; có chồng Trương Thái C, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1997 nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/7/1997 bị Cục thuế tỉnh Phú Yên, kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; ngày 16/5/2009 bị Công ty quản lý và sửa chữa đường bộ Phú Yên, xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách; bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:

1. Bà Trương Thị Ái L, sinh năm: 1976; trú tại: xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Như N, sinh năm: 1955; trú tại: phường Z, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Ông Lê Anh T, sinh năm: 1980; trú tại: phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Ông **Lê Tỷ K**, sinh năm: 1964; trú tại: phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Ông **Lương Quang T**, sinh năm: 1982; trú tại: phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xử vắng mặt.

6. Ông **Trần Cô K**, sinh năm: 1976; trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7. Bà **Trần Thị Như T**, sinh năm: 1983; trú tại: phường Z, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8. Ông **Võ Lương V**, sinh năm: 1973; trú tại: xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 nguyên đơn dân sự và 149 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Phú Yên ký Quyết định số 491/QĐ-UBND về việc thành lập Sở Thông tin và Truyền thông (Sở TT&TT) thuộc UBND tỉnh. Ngày 30/12/2011, UBND tỉnh Phú Yên ký Quyết định số 2267/QĐ-UBND bổ nhiệm Lê Thành P giữ chức vụ Giám đốc Sở TT&TT. Ngày 29/12/2011, Giám đốc Sở TT&TT ký Quyết định số 769/QĐ-STTTT bổ nhiệm Đoàn Hùng T giữ chức vụ Trưởng Phòng Quản lý Công nghệ thông tin. Ngày 29/12/2011, Giám đốc Sở TT&TT ký Quyết định số 771/QĐ-STTTT bổ nhiệm bà Trương Thị Ái L giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

Ngày 25/11/2008, UBND tỉnh Phú Yên ký Quyết định số 1945/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm tích hợp dữ liệu (Trung tâm THDL) trực thuộc Sở TT&TT. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng để hoạt động. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại do ngân sách Nhà nước cấp. Ngày 01/12/2009, Trung tâm THDL ký Quyết định số 44A/QĐ-TTTHDL phân công Nguyễn Thị H phụ trách kế toán. Ngày 29/12/2011, Sở TT&TT ký Quyết định số 767/QĐ-STTTT bổ nhiệm Lê Tiến D giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm THDL.

Ngày 16/8/2012, UBND tỉnh có Quyết định số 1232/QĐ-UBND cấp kinh phí 2.745.000.000đ cho Sở TT&TT để thực hiện Đề án phát triển Công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2012.

Ngày 16/10/2012, Sở Tài chính tỉnh có Thông báo số 2131 về kết quả thẩm định dự toán, phân bổ kinh phí năm 2012 cho Sở TT&TT là 2.745.000.000đ.

Trong năm 2012 đến tháng 3 năm 2014, Lê Thành P và Đoàn Hùng T biết Công ty cổ phần tin học I thành phố Hồ Chí Minh (Công ty I) không có chức năng đào tạo; nhưng Đoàn Hùng T vẫn soạn thảo, tham mưu cho Lê Thành P ký Quyết định số 1066A/QĐ-STTTT ngày 07/12/2012, chọn Công ty I đào tạo tin học cho cán bộ công chức, viên chức trong tỉnh; Quyết định số 1075/QĐ-STTTT ngày 11/12/2012, chọn Công ty I đào tạo chuyển giao công nghệ phần mềm; Quyết định số 99B/QĐ-STTTT ngày 02/12/2013, chỉ định Công ty I thực hiện đào tạo chuyển giao công nghệ và quản trị hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây. Đoàn Hùng T tiếp tục soạn thảo để Lê Thành P và Nguyễn Văn H - Tổng Giám đốc Công ty I ký 03 hợp đồng kinh tế gồm, số 20/2012 ngày 07/12/2012, trị giá 313.700.000đ; số 18/2012 ngày 12/12/2012, trị giá 35.000.000đ; số 09/2013 ngày 02/12/2013, trị giá 63.300.000đ. Tổng cộng 412.000.000đ. Quá trình thực hiện, thực tế Công ty I chỉ thực hiện khối lượng trị giá 41.000.000đ; nhưng chủ đầu tư và nhà thầu ký nghiệm thu thanh toán không khối lượng không thực hiện trị giá 371.000.000đ. Khi tiếp nhận hồ sơ thanh toán, kiểm tra thấy thiếu tài liệu, danh sách học viên, giảng viên ... không tổ chức nghiệm thu thực tế, không đủ điều kiện thanh toán nhưng Trương Thị Ái L vẫn lập giấy rút dự toán ngân sách cùng P ký duyệt chuyển thanh toán từ Kho bạc vào tài khoản Công ty I. Sau khi chuyển tiền thanh toán, Công ty I đưa lại cho Sở TT&TT 268.000.000đ, P chỉ đạo cấp dưới cất giữ bỏ ngoài sổ sách.

Lê Thành P, Đoàn Hùng T và Trương Thị Ái L đều biết Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 08/10/2008 của UBND tỉnh Phú Yên thì Sở TT&TT không có chức năng ký hợp đồng giao khoán cho cán bộ trong Sở, nhưng T vẫn tham mưu, soạn thảo để P ký các Quyết định số 1109A; 1109B/QĐ-STTTT ngày 14/12/2012 thành lập 05 Tổ, ký 05 hợp đồng số 1412 – từ 1 đến 5; giao cho 05 Tổ là cán bộ trong Sở hướng dẫn sau chuyển giao phần mềm quản lý văn bản cho các Sở, các huyện, thị xã, tổng trị giá 101.300.000đ và ký 05 biên bản nghiệm thu, thanh lý không ghi ngày 24/12/2012, T đưa cho L lập giấy rút dự toán ngân sách trình P ký duyệt, rút 101.300.000đ, khối lượng công việc thực hiện trị giá 4.508.000đ; khối lượng công việc không thực hiện lập không chứng từ thanh toán trị giá 96.792.000đ. Ngày 09/12/2013 P còn ký Quyết định số 102A; 105A /QĐ-STTTT thành lập và chọn Tổ chuyển đổi nguồn mở của Sở TT&TT, giao T làm Tổ trưởng; đồng thời, ký hợp đồng giao khoán số 0912A/2013/HĐGK trị giá 24.000.000đ giao T thực hiện, T không tổ chức khảo sát thực tế hiện trạng sử dụng máy tính của Sở TT&TT, mà chỉ tiến hành cài đặt chuyển đổi nguồn mở số lượng 20 máy tại các Phòng trực thuộc Sở TT&TT và

hợp thức hóa chứng từ thanh toán bằng cách nhờ ký xác nhận cài đặt, hướng dẫn sử dụng phần mềm nguồn mở số lượng 52 máy; lấy 24.000.000đ mua quà Tết cho cơ quan và chia cho các thành viên trong Tổ, khối lượng công việc thực hiện trị giá 2.580.000đ; khối lượng công việc không thực hiện lập không chứng từ thanh toán trị giá 21.420.000đ. Lê Thành P, Đoàn Hùng T đã làm thiệt hại của Nhà nước số tiền **489.212.000đ** (trong đó có Trương Thị Ái L – Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính cùng phải liên đới chịu trách nhiệm với P và T là 419.592.000đ gồm ở 02 hợp đồng với Công ty I số 20, 18 thiệt hại số tiền 322.800.000đ, 05 hợp đồng giao khoán cho cán bộ của Sở thiệt hại số tiền 96.792.000đ).

Ngoài ra, Lê Thành P, Đoàn Hùng T, Lê Tiến D, Nguyễn Thị H đều biết rõ Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 08/10/2008 của UBND tỉnh Phú Yên quy định Trung tâm THDL là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở TT&TT, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Giám đốc Sở TT&TT, theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực đấu thầu, chủ đầu tư và nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập với nhau về tổ chức và tài chính không cùng phụ thuộc vào một cơ quan quản lý, thế nhưng Lê Thành P chỉ đạo Đoàn Hùng T soạn thảo các Quyết định số 1097/QĐ-STTTT ngày 12/12/2012 để P ký chỉ định Trung tâm THDL thực hiện gói thầu xây dựng phần mềm chuẩn hóa văn bản quản lý Nhà nước cấp xã; Quyết định số 1098/QĐ-STTTT ngày 12/12/2012 chỉ định Trung tâm THDL thực hiện gói thầu xây dựng phần mềm dịch vụ tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; Quyết định số 1101/QĐ-STTTT ngày 12/12/2012 chỉ định Trung tâm THDL thực hiện hạng mục Phát triển cổng thông tin điện tử tỉnh và tích hợp dịch vụ công tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; Quyết định số 1100/QĐ-STTTT ngày 12/12/2012 chỉ định Trung tâm THDL đào tạo sử dụng phần mềm chuẩn hóa văn bản phường, xã; Quyết định số 99A/QĐ-STTTT ngày 02/12/2013 chọn Trung tâm THDL đào tạo 28 lớp quản lý văn bản điều hành, thư điện tử cho cán bộ công chức các sở, ban, ngành trong tỉnh; Quyết định số 113/QĐ-STTTT ngày 18/12/2013 giao Trung tâm THDL thực hiện Xây dựng 2 cổng thông tin thứ cấp, nghiên cứu phát triển ứng dụng thử nghiệm phần mềm nguồn mở về an ninh và thông tin, cài đặt phần mềm quản lý và kiểm tra các điểm lắp đặt Internet cộng đồng, tiếp đến P với D đã ký kết các Hợp đồng số 121212/HĐKT ngày 12/12/2012; 131212/HĐKT ngày 13/12/2012; 290812/HĐ-ĐT ngày 29/8/2012; 1412/HĐ-ĐT ngày 14/12/2012; 0212/2013/HĐKT-THDL ngày 02/12/2013 với tổng giá trị: 899.290.000đ, khối lượng công việc thực hiện trị giá 378.972.000đ; khối lượng công việc không thực hiện lập không chứng từ thanh toán trị giá 520.318.000đ. Lê Tiến D còn ký 02 hợp đồng với Văn phòng UBND huyện P để tư vấn giám sát, thiết kế thi công dự án Văn phòng điện tử phục vụ cho công tác quản lý điều hành và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính của UBND huyện P và hợp đồng

với Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Đ để tư vấn đầu tư công nghệ thông tin thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính tại huyện Đ. Kết quả thực hiện hợp đồng ngày 31/12/2012, Văn phòng UBND huyện P chuyển thanh toán số tiền 14.709.600đ và ngày 30/01/2013, Phòng kinh tế hạ tầng huyện Đ chuyển thanh toán số tiền 20.031.200đ. Tổng số tiền D, H lập không chứng từ thanh toán là 480.992.500đ bỏ ngoài sổ sách, sử dụng mua quà biếu cho Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo phòng thuộc Sở TT&TT, các ngành có liên quan trong tỉnh, chi hỗ trợ đoàn thể, cán bộ Trung tâm trong các dịp lễ, tết, liên hoan tiếp khách, mua máy tính xách tay, công tác phí nên được giảm trừ và xác định đã gây thiệt hại **386.982.500đ** (trong đó thiệt hại tiền Ngân sách 54.488.000đ, thiệt hại tiền của Trung tâm 332.494.500đ).

Đối với Hợp đồng số 211212/HĐKT ngày 21/12/2012 P ký với Công ty Q để xây dựng cổng thông tin du lịch Phú Yên, trị giá **225.000.000đ**, có sai phạm trong việc đấu thầu cũng như thời gian thực hiện hợp đồng, nhưng các kết luận giám định kỹ thuật bổ sung xác định: Các mục thi công Cổng thông tin du lịch tỉnh Phú Yên đúng như hợp đồng. Các chức năng mà Cổng thông tin du lịch Phú Yên có và đúng với yêu cầu xây dựng Cổng thông tin du lịch Phú Yên tại hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh ngày 21/12/2012. Việc Cổng thông tin du lịch Phú Yên không tồn tại, không hoạt động có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân không đăng ký sử dụng tên miền nên không đủ cơ sở quy kết số tiền thiệt hại. Hơn nữa, số tiền thanh toán cho Cổng thông tin du lịch Phú Yên các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục xong, nên không xử lý trách nhiệm hình sự khoản tiền 225.000.000đ.

Tại kết luận giám định tư pháp về tài chính ngày 16/5/2016, kết luận: Thiệt hại tài sản của Nhà nước ở các hợp đồng số 20 thiệt hại 299.100.000đ; hợp đồng số 18 thiệt hại: 23.700.000đ; hợp đồng số 09 thiệt hại: 48.200.000đ; 05 hợp đồng giao khoán cho cán bộ của Sở thiệt hại số tiền 96.792.000đ, hợp đồng số 0912A với Đoàn Hùng T thiệt hại số tiền 21.420.000đ. Trách nhiệm, thuộc về Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách; người phụ trách công tác tài chính, kế toán; người lập, người ký duyệt và những người khác ký tên trên chứng từ kế toán.

Tại kết luận giám định tư pháp về Tài chính - Kế toán ngày 15/01/2016, kết luận: Trong số tiền thiệt hại **386.982.500đ** tại Trung tâm THDL ngoài Lê Tiến D, Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm, thì Lê Thành P và Đoàn Hùng T cùng liên đới chịu trách nhiệm hình sự số tiền 102.980.000đ.

Tổng cộng Lê Thành P và Đoàn Hùng T phải chịu trách nhiệm thiệt hại trong vụ án là: **592.192.000đ** (489.212.000đ + 102.980.000đ).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 165; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; thêm Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo P

Phạt:

- Bị cáo Đoàn Hùng T - 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/9/2015 đến ngày 20/02/2016.

- Bị cáo Lê Thành P - 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T, Lê Tiến D, Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ái L phải có trách nhiệm liên đới cùng bồi thường thiệt hại về tài sản cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên số tiền **1.101.194.500đ** (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu một trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng*), các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nộp khắc phục, bồi thường **1.118.605.000đ** (*Một tỷ một trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng*), dư **17.410.500đ** (*Mười bảy triệu bốn trăm mười ngàn năm trăm đồng*). Trong số tiền phải bồi thường **1.118.605.000đ**, thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục tại Trung tâm tích hợp dữ liệu **121.047.000đ**; đã nộp khắc phục tại Sở Thông tin và Truyền thông **516.101.000đ**; tổng cộng: **637.148.000đ**, còn lại phải bồi thường **464.046.500đ**; trong đó buộc bị cáo Lê Tiến D và Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại xảy ra tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tương ứng với phần lỗi của từng người, cụ thể Lê Tiến D bồi thường 2/3 là: **143.000.000đ**, Nguyễn Thị H bồi thường 1/3 là: **71.445.500đ**. Bị cáo D đã nộp bồi thường với tư cách bị cáo **170.000.000đ** (*Nộp với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thiệt hại tại Sở TT&TT 5.000.000đ*), dư **27.000.000đ**, bị cáo H đã nộp **40.400.000đ**, thiếu **4.045.500đ**; tổng cộng bị cáo D, bị cáo H đã nộp **210.400.000đ** (*170.000.000đ + 40.400.000đ*) phần bị cáo D nộp dư **27.000.000đ**, bị cáo D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên thay phần bị cáo H, bị cáo H có trách nhiệm nộp hoàn trả lại cho bị cáo D. Buộc các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T, bà Trương Thị Ái L phải liên đới cùng nhau bồi thường thiệt hại xảy ra tại Sở

Thông tin và Truyền thông từng khoản thiệt hại mà mỗi người phải chịu ở từng khoản đó theo phần ngang nhau, cụ thể bị cáo Lê Thành P phải bồi thường **112.640.000đ** ($42.830.000đ + 34.810.000đ + 35.000.000đ$ khoản gây thiệt hại tại Trung tâm tích hợp dữ liệu), bị cáo P đã nộp **147.050.000đ**, dư **34.410.000đ**; bị cáo Đoàn Hùng T phải bồi thường **94.130.000đ** ($42.830.000đ + 34.810.000đ + 16.490.000đ$ khoản gây thiệt hại tại Trung tâm tích hợp dữ liệu), bị cáo T đã nộp **110.307.000đ**, dư **16.177.000đ**; bà Trương Thị Ái L phải bồi thường **42.831.000đ**, bà L đã nộp **13.700.000đ**, thiếu **29.131.000đ**.

Bị cáo Lê Thành P nộp bồi thường dư **34.410.000đ**, bị cáo Đoàn Hùng T nộp bồi thường dư **16.177.000đ**; trong khi đó bị cáo H bồi thường còn thiếu **4.045.500đ**, bà Trương Thị Ái L bồi thường còn thiếu **29.131.000đ**. Buộc bị cáo P phải liên đới bồi thường đủ cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên số tiền còn thiếu của bị cáo H **4.045.500đ**, bồi thường phần còn thiếu cho bà L **14.566.000đ**; Buộc bị cáo T phải bồi thường cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên phần còn thiếu của bà L **14.565.000đ**. Sau khi chịu trách nhiệm bồi thường cho người còn thiếu phần bị cáo P dư **15.798.500đ**, phần bị cáo T dư **1.612.000đ**.

Hoàn trả cho bị cáo Lê Thành P số tiền bồi thường dư **15.798.500đ** (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng);

Hoàn trả cho bị cáo Đoàn Hùng T số tiền bồi thường dư **1.612.000đ**, (Một triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng);

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Tiến D số tiền **27.000.000đ** (Hai mươi bảy triệu đồng), nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Thành P số tiền **4.045.500đ** (Bốn triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm đồng);

Buộc bà Trương Thị Ái L phải nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Thành P số tiền **14.566.000đ** (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), nộp hoàn trả lại cho bị cáo Đoàn Hùng T số tiền **14.565.000đ** (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Tiến D, Nguyễn Thị H; tuyên cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong cơ quan Nhà nước; trách nhiệm bồi thường dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2017, bị cáo Lê Thành P kháng cáo xem xét miễn hình phạt cho bị cáo; xin nhận lại số tiền nộp vượt quá nghĩa vụ phải bồi thường.

Ngày 29/6/2017, bị cáo Đoàn Hùng T kháng cáo xin được giảm hình phạt và được hưởng án treo hoặc miễn truy tố trách nhiệm hình sự; xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thành P và Đoàn Hùng T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng quy định của pháp luật và đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong năm 2012 đến 2013, tại thời điểm có dấu hiệu của tội phạm, Lê Thành P giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông Tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên, Đoàn Hùng T là Trưởng phòng Quản lý Công nghệ thông tin; Lê Tiến D giữ chức Giám đốc Trung tâm tích hợp dữ liệu; Nguyễn Thị H là kế toán Trung tâm tích hợp dữ liệu thuộc Sở Thông tin Truyền thông tỉnh Phú Yên. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên giao để thực hiện Đề án phát triển Công nghệ thông tin, đào tạo công chức viên chức hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Lê Thành P và Đoàn Hùng T biết rõ Công ty I có địa chỉ tại Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không có chức năng đào tạo về tin học. P và T cũng biết Quyết định số 1627/QĐUB ngày 08/10/2008 của UBND tỉnh Phú Yên quy định sở TT& TT hoàn toàn không có chức năng ký hợp đồng giao khoán cho cán bộ trong Sở, nhưng T vẫn tham mưu soạn thảo để P ký nhiều Quyết định và hợp đồng kinh tế trái quy định. Đồng thời trong quá trình thực hiện hợp đồng trên thực tế có nhiều hạng mục, nội dung không thực hiện, nhưng nhà thầu và chủ thầu vẫn ký biên bản nghiệm thu, lập không chứng từ thanh toán, khi tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thấy nhiều thủ tục không đúng không phù hợp và đủ điều kiện thanh toán nhưng Trương Ái L là trưởng phòng kế hoạch tài chính Sở TT&TT vẫn lập giấy rút dự toán ngân sách cùng Lê Thành P ký duyệt chuyển thanh toán. Khi được nhà thầu hoàn lại tiền đối với các phần giá trị của các hạng mục không thực hiện, các bị cáo P, T và L thống nhất lấy tiền bỏ ngoài sổ sách, hoặc chi không đúng nguyên tắc tài chính làm thiệt hại cho tài sản Nhà nước số tiền 592.192.000 đồng.

[2] Các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T, Lê Tiến D và Nguyễn Thị H cũng đều biết rõ Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 08/10/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên quy định Trung tâm THDL là đơn vị trực thuộc Sở TT&TT. Theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì chủ đầu tư và nhà thầu khi tham gia đấu thầu phải độc lập với nhau về mặt tổ chức và tài chính, không cùng phụ thuộc vào một cơ quan quản lý, thế nhưng được sự tham mưu của Đoàn Hùng T, Lê Thành P đã chỉ đạo T soạn thảo nhiều Quyết định chỉ định thầu, để

P và Lê Tiến D tiếp tục ký nhiều hợp đồng cho các gói thầu về công nghệ thông tin trái quy định. Không những thế Lê Tiến D còn ký nhiều hợp đồng với các đơn vị khác để triển khai dự án điều hành và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính. Quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều hạng mục không thực hiện nhưng nhà thầu và chủ đầu tư vẫn ký nghiệm thu và lập không chứng từ thanh lý, tạo điều kiện để D chỉ đạo Nguyễn Thị H rút thanh toán lấy tiền bỏ ngoài sổ sách và chi không đúng nguyên tắc tài chính làm thiệt hại cho nhà nước số tiền 386.982.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, các bị cáo Lê Thành P và Đoàn Hùng T, Lê Tiến D, Nguyễn Thị H bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử về tội “Cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, gây hậu quả nghiêm trọng” (các quy định của nhà nước như án sơ thẩm đã viện dẫn) theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo xin được miễn hình phạt của bị cáo Lê Thành P và kháng cáo xin được hưởng án treo của Đoàn Hùng T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Lê Thành P nguyên là Giám đốc Sở TT&TT, nhưng đã không thận trọng kiểm tra trong công tác quản lý tài chính, sau khi được cấp dưới tham mưu sai quy định nhưng bị cáo có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình chỉ đạo cấp dưới, và chính bị cáo cũng ký kết hợp đồng và ký nhiều quyết định trái các quy định của nhà nước trong quản lý kinh tế, gây ra hậu quả nghiêm trọng với số tiền cùng với bị cáo T là 592.192.000 đồng. Án sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ vị trí vai trò của bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là mức án dưới khung khởi điểm của điều luật áp dụng, nhưng cho hưởng án treo là đã xem xét chiều cõ cho bị cáo. Theo Nghị Quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại điểm a, mục 2 Điều 2 quy định những trường hợp không được cho hưởng án treo trong đó có trường hợp “lợi dụng chức vụ quyền hạn phạm tội” và “cố ý gây hậu quả nghiêm trọng”. Như vậy, việc cho bị cáo hưởng án treo của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với Nghị Quyết nêu trên, vì không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét, đồng thời kiến nghị lên Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Do vậy đơn kháng cáo của bị cáo xin được miễn hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận, đối với bị cáo trong trường hợp này cũng không được coi là trường hợp “đáng được khoan hồng đặc biệt” theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự, để được miễn hình phạt.

[4] Bị cáo Đoàn Hùng T, nguyên là Trưởng phòng Quản lý công nghệ thông tin thuộc Sở thông tin Truyền Thông là người có chức vụ và quyền hạn trên lĩnh vực mà mình được phân công, tuy nhiên bị cáo đã lợi dụng chức vụ

quyền hạn của mình được giao, trực tiếp tham mưu, soạn thảo để Giám đốc Sở TT& TT tỉnh Phú Yên ký kết nhiều Quyết định và hợp đồng kinh tế trái quy định. Đồng thời trong quá trình thực hiện và thanh lý các hợp đồng, bị cáo với chức trách nhiệm vụ là trưởng phòng Quản lý công nghệ thông tin, bị cáo đều được theo dõi, giám sát để biết những hạng mục nào đã thực hiện và hạng mục nào chưa thực hiện, tuy nhiên bị cáo lại tham mưu và cùng với nhà thầu lập và ký không chứng từ thanh toán gây thiệt hại tài sản Nhà nước. Án sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ và vai trò của bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xử phạt bị cáo 02 năm tù và không cho hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật do vậy kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không được chấp nhận. Tuy nhiên về mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T so với bị cáo Lê Thành P bị xử phạt 02 năm tù nhưng được hưởng án treo là chưa phù hợp đối với bị cáo T, vì vai trò của bị cáo T thấp hơn bị cáo P, do đó mức án của bị cáo T phải thấp hơn bị cáo P và cao hơn bị cáo D và H, bị cáo T cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo P, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo T để thể hiện sự công bằng trong quyết định hình phạt.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thành P và Đoàn Hùng T về nội dung “Đề nghị xem xét lại trách nhiệm dân sự”. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao Lê Thành P và Đoàn Hùng T, Lê Tiến D và Nguyễn Thị H đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

[5.1] Đối với bị cáo Lê Thành P cùng với Đoàn Hùng T ký kết hợp đồng và ký văn bản nghiệm thu 03 hợp đồng kinh tế với Công ty I. Hợp đồng số 20/2012, trị giá 313.700.000 đồng, hợp đồng số 18/2012 trị giá 35.000.000 đồng, hợp đồng số 09/2013 trị giá 63.300.000 đồng. Ngoài ra Lê Thành P và Đoàn Hùng T còn ký kết và thực hiện 06 hợp đồng giao khoán không đúng nguyên tắc cho cán bộ Sở TT&TT Phú Yên, trong đó hợp đồng giao khoán trị giá 101.300.000 đồng (5 hợp đồng nhỏ) và hợp đồng giao khoán số 9012A/HĐGK, trị giá 24.000.000 đồng.

Theo kết quả giám định tư pháp về tài chính ngày 16/5/2016 đã kết luận: Tổng thiệt hại về tài sản của Nhà nước ở các phần trên là **489.212.000** đồng. Về trách nhiệm thuộc về thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, người phụ trách công tác tài chính, kế toán, người lập, người ký duyệt và những người khác ký tên trên chứng từ kế toán. Cụ thể là Lê Thành P và Đoàn Hùng T phải chịu trách nhiệm về khoản thiệt hại nêu trên.

[5.2] Trong năm 2012 và 2013 Lê Thành P, Đoàn Hùng T cùng với Lê Tiến D, Nguyễn Thị H đã cùng ký kết và thực hiện, thanh lý 06 hợp đồng và 01

Quyết định trái với quy định của pháp luật gây thiệt hại cho tài sản nhà nước, cụ thể:

- Hợp đồng kinh tế số 121212/HĐKT ngày 12/12/2012 về Xây dựng phần mềm chuẩn hóa văn bản quản lý nhà nước cấp xã trị giá hợp đồng là 128.880.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng dù hai bên không tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định, nhưng các bị cáo đã ký biên bản bàn giao nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 24/12/2012 rồi rút số tiền 128.800.000 đồng rồi chuyển vào tài khoản của Trung tâm THDL. Thực tế khối lượng cán bộ trung tâm thực hiện là 85.950.000 đồng. Khối lượng trung tâm không thực hiện là 42.930.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 121212/HĐKT ngày 12/12/2012 về việc xây dựng phần mềm dịch vụ giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, tổng giá trị hợp đồng là 138.860.000 đồng. Tương tự như trên trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên không tiến hành tổ chức nghiệm thu, thanh lý nhưng ngày 25/12/2012 các bên vẫn ký biên bản bàn giao nghiệm thu thanh lý hợp đồng với số tiền là 138.860.000 đồng chuyển vào tài khoản của Trung tâm THDL, nhưng thực tế Trung tâm THDL không xây dựng được phần mềm này do vậy thuê Công ty Cinotec tại Thành phố Hồ Chí Minh làm và được miễn phí hoàn toàn. Sau khi nhận được số tiền trên H và D đã lập khống 06 hợp đồng thuê khoán cho cá nhân để rút số tiền 106.950.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 131212/HĐKT ngày 13/12/2012 về phát triển công nghệ thông tin điện tử tỉnh Phú Yên tổng giá trị hợp đồng là 273.000.000 đồng. Các bị cáo cũng lập khống biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng để rút số tiền 258.000.000 đồng. Thực tế khối lượng được xác định do Cán bộ Trung tâm thực hiện là 82.000.000 đồng, khối lượng công việc giao cho các Sở, huyện làm trị giá 77.000.000 đồng. Đối với số tiền 99.000.000 đồng là phần việc nâng cấp cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Phú Yên, Trung tâm không làm được nên phải thuê Công ty Cinotec và được miễn phí do vậy P và T không nghiệm thu mà vẫn chuyển tiền nêu trên cho Trung tâm THDL phần Công ty Cinotec làm miễn phí.

- Hợp đồng đào tạo số 290812/ HĐ-ĐT ngày 29/8/2012 về việc chuyên sâu quản trị mạng cho cán bộ Sở, ngành, huyện thị, giá trị là 20.000.000 đồng, các bên đã ký biên bản thanh lý nghiệm thu thanh toán 20.000.000 đồng. Thực tế cán bộ trung tâm thực hiện giá trị 10.447.000 đồng, chênh lệch 9.553.000 đồng.

- Hợp đồng số 1412/HĐKT ngày 14/12/2012 về việc đào tạo sử dụng phần mềm chuẩn hóa văn bản phường xã trị giá hợp đồng 51.120.000 đồng. Đối với hợp đồng này các bị cáo cũng không tiến hành nghiệm thu thanh lý theo quy

định nhưng đã tự lập biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ghi ngày 28/12/2012 để rút số tiền tiền 51.120.000 đồng chuyển vào tài khoản của Trung tâm THDL. Thực tế khối lượng do cán bộ Trung tâm thực hiện với giá trị là 19.438.000 đồng. Giá trị không thực hiện là 31.628.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 0212/2013/HĐKT -THDL ngày 02/12/2013 về việc giao tổ chức triển khai đào tạo 28 lớp quản lý văn bản điều hành thư điện tử cho cán bộ công chức trong tỉnh, trị giá hợp đồng là 173.600.000 đồng. Tương tự như trên các bị cáo đã lập biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng không đúng với thực tế để rút số tiền 173.600.000 đồng. Thực tế công việc đã thực hiện giá trị là 60.775.000 đồng, không thực hiện là 112.825.000 đồng.

Ngày 18/12/2013, Lê Thành P ký Quyết định số 113/QĐ-STTTT về việc giao cho Trung tâm THDL thực hiện 3 hạng mục công việc với tổng số tiền 113.830.000 đồng. Sau khi Sở TT&TT chuyển tiền nêu trên vào kho bạc nhà nước tỉnh, để rút được số tiền trên D và H đã lập 09 hợp đồng giao khoán cho cán bộ Trung tâm. Đối với 3 hạng mục này khối lượng thực tế do cán bộ Trung tâm thực hiện trị giá là 43.362.000 đồng. Khối lượng không làm giá trị là 70.468.000 đồng.

Tại kết luận giám định tư pháp về Tài chính, kế toán ngày 15/01/2016, xác định Lê Thành P và Đoàn Hùng T trong việc ký kết và thực hiện 06 hợp đồng với Trung tâm THDL đã gây thiệt hại tài sản nhà Nước số tiền là 434.850.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này được trừ đi 237.680.000 đồng là khoản tiền thực hiện các hợp đồng với Công ty Cinotec được miễn phí, đồng thời các bị cáo T và P không biết các hợp đồng đó có sản phẩm và nghiệm thu đầy đủ, các bị cáo đã nộp khoản tiền thiệt hại 86.710.000 đồng, Trung tâm THDL đã mua máy tính xách tay phục vụ cho công việc chung là 7.300.000 đồng. Như vậy P và T phải chịu trách nhiệm đối với 06 hợp đồng nêu trên là 434.850.000 đồng – $(237.680.000 \text{ đ} + 86.710.000 \text{ đ} + 7.300.000 \text{ đ}) = 102.980.000 \text{ đồng}$.

[6] Xét thấy trong quá trình xác minh và điều tra để xác định sự thật khách quan của vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, để xác định thiệt hại trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định Tư pháp theo đúng quy định của pháp luật. Với những tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và những viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo Lê Thành P và Đoàn Hùng T cùng phải chịu trách nhiệm liên quan đến số tiền bị thiệt hại là 592.192.000 đồng (trong đó: 03 hợp đồng với Công ty I số 20,18, 09 thiệt hại 371.000.000 đồng, 05 hợp đồng giao khoán cho cán bộ của Sở thiệt hại 96.792.000 đồng, hợp đồng số 0912A với Đoàn Hùng T thiệt hại 21.420.000 đồng và 04 hợp đồng với Trung tâm THDL thiệt hại 102.980.000 đồng. Như vậy án sơ thẩm quy kết các bị cáo cùng với những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về số tiền thiệt hại nêu trên là có căn cứ.

[6.1] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo T đối với khoản tiền 225.000.000 đồng. Xét thấy, đây là khoản tiền các bị cáo đã vi phạm khi ký kết và thanh lý đối với hợp đồng số 211212/HĐKT ngày 21/12/2012 với Công ty Q để xây dựng công thông tin du lịch Phú Yên, tuy nhiên quá trình điều tra cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền thiệt hại nêu trên vì “Công thông tin du lịch Phú Yên không tồn tại hoạt động có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân không đăng ký sử dụng tên miền nên không đủ cơ sở quy kết thiệt hại” đồng thời số tiền 225.000.000 đồng các bị cáo T, P và bà Trương Thị Ái L cùng một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục xong do vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm về hình sự đối với khoản tiền trên là phù hợp, tuy nhiên về trách nhiệm dân sự thì các bị cáo T, P cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn phải có trách nhiệm bồi hoàn. Án sơ thẩm đã giải quyết về trách nhiệm đối với khoản tiền trên là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo Đoàn Hùng T về trách nhiệm của bị cáo đối với số tiền 286.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là khoản tiền liên quan đến 03 hợp đồng mà bị cáo P và T đã có sai phạm khi ký kết thực hiện thanh lý hợp đồng để lập không số tiền 371.000.000 đồng, sau đó P và T ký giấy chuyển thanh toán cho Cty I. Sau khi được Công ty Inet đưa lại cho Sở TT&TT 268.000.000 đồng, P đã chỉ đạo cấp dưới bỏ ngoài sổ sách. Như vậy mặc dù T không phải là người trực tiếp bỏ ngoài sổ sách số tiền nêu trên, thế nhưng thiệt hại đó có mối quan hệ nhân quả với hành vi cố ý làm trái của các bị cáo khi ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng trái pháp luật. Do đó bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm là có cơ sở, kháng cáo của bị cáo về nội dung này là không có căn cứ.

[7] Xét thấy trong quá trình điều tra các bị cáo cùng với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền thiệt hại là 1.101.194.500 đồng, trong đó bị cáo T đã bồi thường 110.037.000 đồng (dư 16.177.000 đồng so với trách nhiệm của bị cáo) bị cáo P đã bồi thường 147.050.000 đồng (dư 34.410.000 đồng so với trách nhiệm của bị cáo). Như vậy án sơ thẩm đã xác định đúng số tiền bị thiệt hại do hành vi cố ý làm trái của các bị cáo, từ đó căn cứ vào vị trí vai trò, mức độ lỗi của các bị cáo để phân định thiệt hại tại từng hợp đồng và phân định cho các bị cáo và người liên quan phải chịu trách nhiệm đối với số tiền nhà nước bị thiệt hại là có căn cứ đúng pháp luật. Từ những phân tích đánh giá nêu trên xét thấy kháng cáo của các bị cáo Đoàn Hùng T và Lê Thành P về trách nhiệm dân sự là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thành P, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Hùng T giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

Án phí: Bị cáo Lê Thành P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thành P. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Hùng T. Sửa một phần quyết định của bản án số 09/2017/HSST ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về phần hình phạt đối với bị cáo Đoàn Hùng T.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 165; điểm b, p, s khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với 02 bị cáo; thêm Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Thành P.

Xử Phạt:

- Bị cáo **Đoàn Hùng T 15 (mười lăm) tháng tù** về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25/9/2015 đến ngày 20/02/2016.

- Bị cáo **Lê Thành P 02 (hai) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thành P cho UBND Phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T, Lê Tiến D, Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Ái L phải có trách nhiệm liên đới cùng bồi thường thiệt hại về tài sản cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên số tiền **1.101.194.500đ** (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu một trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng*), các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nộp khắc phục, bồi thường **1.118.605.000đ**

(Một tỷ một trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng), dư **17.410.500đ** (Mười bảy triệu bốn trăm mười ngàn năm trăm đồng). Trong số tiền phải bồi thường **1.118.605.000đ**, thì những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục tại Trung tâm tích hợp dữ liệu **121.047.000đ**; đã nộp khắc phục tại Sở Thông tin và Truyền thông **516.101.000đ**; tổng cộng: **637.148.000đ**, còn lại phải bồi thường **464.046.500đ**; trong đó buộc bị cáo Lê Tiến D và Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại xảy ra tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tương ứng với phần lỗi của từng người, cụ thể Lê Tiến D bồi thường 2/3 là: **143.000.000đ**, Nguyễn Thị H bồi thường 1/3 là: **71.445.500đ**. Bị cáo D đã nộp bồi thường với tư cách bị cáo **170.000.000đ** (Nộp với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thiệt hại tại Sở TT&TT 5.000.000đ), dư **27.000.000đ**, bị cáo H đã nộp **40.400.000đ**, thiếu **4.045.500đ**; tổng cộng bị cáo D, bị cáo H đã nộp **210.400.000đ** ($170.000.000đ + 40.400.000đ$) phần bị cáo D nộp dư **27.000.000đ**, bị cáo D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên thay phần bị cáo H, bị cáo H có trách nhiệm nộp hoàn trả lại cho bị cáo D. Buộc các bị cáo Lê Thành P, Đoàn Hùng T, bà Trương Thị Ái L phải liên đới cùng nhau bồi thường thiệt hại xảy ra tại Sở Thông tin và Truyền thông từng khoản thiệt hại mà mỗi người phải chịu ở từng khoản đó theo phần ngang nhau, cụ thể bị cáo Lê Thành P phải bồi thường **112.640.000đ** ($42.830.000đ + 34.810.000đ + 35.000.000đ$ khoản gây thiệt hại tại Trung tâm tích hợp dữ liệu), bị cáo P đã nộp **147.050.000đ**, dư **34.410.000đ**; bị cáo Đoàn Hùng T phải bồi thường **94.130.000đ** ($42.830.000đ + 34.810.000đ + 16.490.000đ$ khoản gây thiệt hại tại Trung tâm tích hợp dữ liệu), bị cáo T đã nộp **110.307.000đ**, dư **16.177.000đ**; bà Trương Thị Ái L phải bồi thường **42.831.000đ**, bà L đã nộp **13.700.000đ**, thiếu **29.131.000đ**.

Bị cáo Lê Thành P nộp bồi thường dư **34.410.000đ**, bị cáo Đoàn Hùng T nộp bồi thường dư **16.177.000đ**; trong khi đó bị cáo H bồi thường còn thiếu **4.045.500đ**, bà Trương Thị Ái L bồi thường còn thiếu **29.131.000đ**. Buộc bị cáo P phải liên đới bồi thường đủ cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên số tiền còn thiếu của bị cáo H **4.045.500đ**, bồi thường phần còn thiếu cho bà L **14.566.000đ**; Buộc bị cáo T phải bồi thường cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên phần còn thiếu của bà L **14.565.000đ**. Sau khi chịu trách nhiệm bồi thường cho người còn thiếu phần bị cáo P dư **15.798.500đ**, phần bị cáo T dư **1.612.000đ**.

Hoàn trả cho bị cáo Lê Thành P số tiền bồi thường dư **15.798.500đ** (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng);

Hoàn trả cho bị cáo Đoàn Hùng T số tiền bồi thường dư **1.612.000đ**, (Một triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng);

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Tiến D số tiền **27.000.000đ** (Hai mươi bảy triệu đồng), nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Thành P số tiền **4.045.500đ** (*Bốn triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm đồng*);

Buộc bà Trương Thị Ái L phải nộp hoàn trả lại cho bị cáo Lê Thành P số tiền **14.566.000đ** (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), nộp hoàn trả lại cho bị cáo Đoàn Hùng T số tiền **14.565.000đ** (*Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

3. Án phí: Bị cáo Lê Thành P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Những người tham gia TT khác;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành